TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-PT
Ngày 17-10-2019
"V/v Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trung Thực

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Nga

Ông Trương Quang Tú

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Việt Cường - Thư ký viên chính, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Bà Hoàng Thị Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2019/HNGĐ-PT ngày 20/9/2019 về việc: "Xin ly hôn".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 123/2019/HNGĐ - ST ngày 23/7/2019 của Toà án nhân dân huyện YM bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: ông **Lê Văn Ch**, sinh năm 1959 (Có mặt).

2/ Bị đơn: bà **Lê Thị H**, sinh năm 1961(Có mặt).

Đều trú tại: Thôn MH, xã YP, huyện YM, tỉnh HY.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị **Lê Thị H1**, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

3.2 Chị **Lê Thị 2**, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

3.3 Anh **Lê Văn Đ**, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn MH, xã YP, huyện YM, tỉnh HY.

4/ Những người làm chứng: (Đều vắng mặt)

4.1 Bà **Lê Thị L**,sinh năm 1950.

Địa chỉ: Thôn Mễ Thượng, xã YP, huyện YM.

4.2 Bà **Lê Thị Đ1**, sinh năm 1952.

4.3 Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1958.

4.4 Ông **Lê Văn B,** sinh năm 1958.

4.5 Ông **Lê Văn L1**, sinh năm 1960.

4.6 Ông **Lê Văn V**, sinh năm 1967.

Đều trú tại: Thôn MH, xã YP, huyện YM, tỉnh HY.

5/ Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Văn Ch.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/9/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Lê Văn Ch trình bày:

Về hôn nhân: Ông kết hôn với bà Lê Thị H vào năm 1982 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã YP. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với bố của ông được 01 năm thì bố của ông mất, vợ chồng tiếp tục sinh sống tại nhà đất của bố mẹ ông và sinh được 03 con chung. Năm 1989, ông bị tai nạn giao thông nằm viện khoảng 01 tháng, khi trở về vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Bà H đã dọa bỏ ông nhiều lần, nhưng vì các con ông vẫn duy trì gìn giữ gia đình. Đến năm 2018 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, nên ông đã chuyển nhà ra ở riêng. Khi ông tìm được người mới muốn chung sống với người ta thì bà H đến chửi bới xúc phạm bạn ông. Nay ông xét thấy không thể chung sống với bà H được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lê Thị H1, sinh năm 1983, Lê Thị H2, sinh năm 1984 và Lê Văn Đ, sinh năm 1987 các con đều đã lập gia đình riêng, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng có tài sản nhà đất, ông tự thỏa thuận phân chia với bà H, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn bà Lê Thị H trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà xác nhận thời gian kết hôn như ông Ch trình bày là đúng. Năm 1989 ông Ch bị tai nạn giao thông, một mình bà phải nuôi ba con và chăm sóc ông Ch hai năm không lao động được. Năm 1996 ông Ch làm ăn ở Hải Phòng có quan hệ không lành mạnh mắc bệnh lậu, bà phải chữa chạy cho ông Ch, sau đó vợ chồng vẫn sinh sống với nhau. Đến năm 2015 ông Ch có biểu hiện không bình thường tính hay nóng nảy, nhưng vợ chồng vẫn chung sống với nhau. Đến năm 2017, bà vay tiền xây phòng trọ và mở cửa hàng bán tạp hóa, ông Ch thỉnh thoảng lại bỏ nhà đi vài ngày, rồi nghe mọi người kích động và về làm đơn ly hôn với bà. Quan điểm của bà vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng nên không nhất trí ly hôn ông Ch.

Về con chung: Bà xác nhận vợ chồng có 03 con chung như ông Ch trình bày là đúng, nay các con đã có gia đình riêng, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng có nhà đất bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn Đ, chị Lê Thị H1 và chị Lê Thị H2 cùng trình bày: Các anh chị là con của ông Ch, bà H. Quá trình chung sống mẹ các anh chị luôn chăm sóc, đối xử tốt với bố. Thời gian gần đây bố các anh chị thần kinh không bình thường, thi thoảng bỏ đi vài ngày về chửi bới mẹ và đòi ly hôn. Các anh chị đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bố để giữ gìn gia đình và làm gương cho các con các cháu.

Những người làm chứng:

Ông Lê Văn L1 trình bày: Ông Ch là cháu họ của ông, trong cuộc sống hai vợ chồng ông Ch không có mâu thuẫn gì căng thẳng, bà H đối xử tốt với họ hàng không ai cười chê, nên đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn ly hôn của ông Ch

Bà Lê Thị N, Lê Thị Đ1, Lê Thị L và ông Lê Quang V trình bày: Các ông bà là anh chị em ruột của ông Ch. Thời gian gần đây ông Ch thần kinh không ổn định do ảnh hưởng của tai nạn giao thông trước đây, thi thoảng bỏ đi vài ngày, nghe người ngoài kích động nên về làm đơn ly hôn bà H. Trong cuộc sống hai ông bà không có mâu thuẫn gì trầm trọng phải làm đơn ly hôn, bà H vẫn thương yêu, chăm sóc ông Ch và đối xử tốt với mọi người trong họ hàng, không ai chê trách, các ông bà đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ch.

Ông Lê Văn B trình bày: Ông cùng họ nội tộc với ông Ch, trong gia đình ông Ch vợ chồng không có mâu thuẫn gì căng thẳng, trầm trọng đến mức ông Ch phải làm đơn ly hôn, quan điểm của ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ch

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện:

Ông Ch và bà H kết hôn năm 1982, có đăng ký kết tại UBND xã YP. Mấy năm gần đây ông Ch do bị ảnh hưởng của tai nạn giao thông trước đây nên thần kinh không bình thường. Thực tế vợ chồng ông Ch, bà H không có mâu thuẫn gì trầm trọng đến mức phải ly hôn. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của ông Ch.

Tại bản án số 123/HNGĐ - ST ngày 23/7/2019 TAND huyện YM quyết định:

1/ Căn cứ: Điều 8; 9; 56 Luật hôn nhân gia đình; Điều 24; 26 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) ban hành kèm theo Nghị quyết.

***2/ Về quan hệ hôn nhân*:** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Ch ly hôn với bà Lê Thị H.

3/ Về con chung, tài sản, công nợ và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra xem xét.

Bản án còn quyết định về quyền kháng cáo và án phí.

Ngày 31/7/2019, ông Ch kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị được ly hôn bà H.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin ly hôn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện VKSND tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Ch, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Ông Lê Văn Ch kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ việc ly hôn của ông được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Ch, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn Ch và bà Lê Thị H cùng tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã YP, huyện YM vào năm 1982. Theo Điều 8; 9 Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo hộ. Ông Ch cho rằng bà H không quan tâm chăm sóc ông, quản lý toàn bộ kinh tế, hay chửi bới ông, khi ông tìm được người khác thì bà H đến chửi bới xúc phạm bạn ông, nên ông mới làm đơn ly hôn.

Lời trình bày của ông Ch là không có cơ sở bởi lẽ, các anh chị em và họ hàng nhà ông Ch đều xác định bà H là người sống biết điều, có trách nhiệm với chồng con, cư xử với họ hàng không ai chê trách. Về phía chính quyền địa phương cũng không tán đồng việc ly hôn của ông Ch.

HĐXX xét thấy trong cuộc sống gia đình, cả hai vợ chồng đều phải có trách nhiệm quan tâm chăm sóc đến nhau, cùng nhau xây dựng và gìn giữ hạnh phúc gia đình để nuôi dạy các con trưởng thành, phát triển kinh tế gia đình, đồng thời phải có quan hệ xã hội lành mạnh. Tuy nhiên, ông Ch lại chính là người phá bỏ hạnh phúc vợ chồng. Khi hôn nhân giữa ông và bà H đang tồn tại ông lại muốn quan hệ và chung sống với người phụ nữ khác. Trong khi bà H và các con vẫn thường xuyên quan tâm chăm sóc ông, lo cho ông nhà ở rộng rãi đầy đủ tiện nghi nhưng ông không sử dụng mà đi ở chỗ khác. Việc ông Ch đang có vợ hợp pháp là bà H nhưng lại tìm cách quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác là không thể chấp nhận và vi phạm pháp luật. Đi ngược với truyền thống đạo đức của dân tộc. Với độ tuổi ngoài 60, có cháu nội cháu ngoại, lẽ ra ông phải làm gương cho con cháu, nhưng ông Ch có lối sống không lành mạnh làm dạn nứt tình cảm vợ chồng. Xét thấy lý do ly hôn của ông Ch là không chính đáng, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ch là hoàn toàn có cơ sở.

Về con chung, tài sản, ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí: Ông Lê Văn Ch kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn Ch.

- Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 123/2019/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện YM như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Lê Văn Ch đối với bà Lê Thị H.

2/ Về con chung, tài sản, công nợ và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra xem xét.

3/ Về án phí: Ông Lê Văn Ch phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí ly hôn phúc thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí ông Ch đã nộp tại các biên lai thu số 0002786 ngày 27/02/2019, số 0002934 ngày 31/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YM, ông Ch đã nộp đủ án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND h YM;
- Chi cục THADS h YM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Trung Thực